

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 333/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/9/2022.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Trần Trúc Thuỷ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Phượng

2. Bà Vương Thị Khánh Loan

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thanh Huệ, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1719/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 336/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Cảnh L, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số 389 đường Nguyễn Văn Cừ, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Bà Bạch Thị Ngọc M, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 33/7, tổ 19, khu phố A, phường H, thành phố H tỉnh Đồng Nai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Cảnh L trình bày :**

Ông và bà Bạch Thị Ngọc M tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hoà An, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai ngày 12/7/2019. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không còn tôn trọng lẫn nhau. Ông và bà M đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả nên từ tháng 11/2020, ông và bà M đã sống ly thân đến nay. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh

phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà M.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông và bà M có 01 con chung tên là Nguyễn Cảnh D, sinh ngày 25/9/2020. Ly hôn, ông đồng ý để bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D. Tạm thời ông cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông xin Tòa án xét xử vắng mặt vì bận công việc.

**\* Bị đơn bà Bạch Thị Ngọc M trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông L đã sống ly thân từ tháng 11/2020 đến nay. Nay bà đồng ý ly hôn với ông L.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông L có 01 con chung tên là Nguyễn Cảnh D, sinh ngày 25/9/2020. Ly hôn, bà đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D. Yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Cảnh L. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Cảnh D, sinh ngày 25/9/2020 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông L cấp dưỡng nuôi cháu D số tiền 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết. Ông L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Cảnh L xin ly hôn với bà Bạch Thị Ngọc M. Theo biên bản xác minh ngày 15 tháng 7 năm 2022, thể hiện bị đơn bà M có đăng ký thường trú, hiện đang cư trú tại địa chỉ: số 33/7, tổ 19, khu phố A, phường H, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tuy nhiên, bà M vắng mặt và ông L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải vụ án. Căn cứ vào Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên có quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà, ông L, bà M vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L, bà M.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà M tự nguyện xây dựng gia đình với nhau, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Hoà An, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 12/7/2019 nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo trình bày của ông L thì sau khi kết hôn quá trình chung sống vợ chồng giữa ông L và bà M phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không còn tôn trọng lẫn nhau. Ông L, bà M đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả nên ông L, bà M đã sống ly thân từ tháng 11/2020 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông L xin được ly hôn với bà M. Toà án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng giữa ông L, bà M. Tại biên bản xác minh ngày 12 tháng 7 năm 2022, địa phương không cung cấp được thông tin mâu thuẫn vợ chồng do ông L, bà M không trình báo với địa phương. Tuy nhiên, bà M trình bày đồng ý ly hôn với ông L do vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2020 đến nay. Xét thấy, tình trạng ly thân giữa ông L, bà M đã kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, các bên không có biện pháp để hàn gắn gia đình, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông L, bà M.

[2.2] Về con chung:

Ông L, bà M có 01 con chung: cháu Nguyễn Cảnh D, sinh ngày 25/9/2020. Ly hôn, ông L yêu cầu giao cháu D cho bà M tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Bà M có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D. Xét thấy, hiện nay cháu D chưa đủ 36 tháng tuổi, nên giao cháu D cho bà M trực tiếp chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về vấn đề cấp dưỡng: Bà M yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng. Yêu cầu này của bà M phù hợp với ý kiến của ông L. Căn cứ vào Điều 80, 81, 81, 83, 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, ghi nhận ý kiến của ông L, bà M, tạm thời ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng kể từ ngày 12/9/2022 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định. Ông L được quyền thăm nom con không ai cản trở. Vì quyền lợi của con chung khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Cảnh L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà phù hợp với chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 8, 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 118 và Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Cảnh L, cho ông Nguyễn Cảnh L được ly hôn với bà Bạch Thị Ngọc M.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Cảnh D, sinh ngày 25/9/2020 cho bà Bạch Thị Ngọc M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm thời ông Nguyễn Cảnh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng/tháng), kể từ ngày 12/9/2022 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông L có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở ông L thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Cảnh L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông L đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003136 ngày 07/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà. Ông L còn phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

5. Ông Nguyễn Cảnh L, bà Bạch Thị Ngọc M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân

sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND thành phố Biên hòa;
- THADS thành phố Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Trần Trúc Thủy**

